TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 585/2019/QĐST-HNGĐ	*Củ Chi, ngày 03 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1, khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 722/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 123 đường 577, ấp Đ, xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 02 đường 27, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn Th có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 90 quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 12 năm 2015. Căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông Th là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống, bà B và ông Th nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà B và ông Th đã trầm trọng, tình cảm yêu thương vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và hai bên thật sự tự nguyện ly hôn, vì vậy Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn Th.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn Th có 01 con chung tên Nguyễn Thành Nh, sinh ngày 21/10/2016. Bà B và ông Th thỏa thuận giao trẻ Nh cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Bà B không yêu cầu ông Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thỏa thuận nuôi con chung của bà B và ông Th là tự nguyện, không trái quy định pháp luật do đó Tòa án chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn Th xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, do đó Tòa án không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn Th xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, do đó Tòa án không xem xét.

[5] Lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), cụ thể bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn Th mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn Th thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 90 quyển số 01/2015 ngày 14 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành Nh , sinh ngày 21/10/2016. Giao con chung tên Nguyễn Thành Nh cho bà Trần Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà B về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn Th xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn Th xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), cụ thể bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn Th mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền bà B và ông Th đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2019/0022017 ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi , Thành phố Hồ Chí Minh lập. Bà B và ông Th đã nộp đủ lệ phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- UBND xã Tr, huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Quang Định